

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26 – 01 – 2022

“V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly
hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Trân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Huỳnh Minh Thuận.

2/ Bà Hà Ngân Kim Tới.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Thời Phúc - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Kiến Thức, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 35/2021/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2021 về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Bà Mã Thị L;** Sinh năm 1981; Địa chỉ: Ấp Đ, thị trấn T, huyện T, tỉnh S (Bà L vắng mặt – Có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt đề ngày 13/01/2022).

- *Bị đơn:* **Ông Lê Văn M;** Sinh năm 1971; Địa chỉ: Ấp Đ, thị trấn T, huyện T, tỉnh S (Ông M vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Mã Thị L trình bày:

Bà với ông Lê Văn M tổ chức lễ cưới vào năm 2005. Ông bà đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L (Nay là huyện T), tỉnh S và được Ủy ban nhân dân xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 152 ngày 16/11/2005. Ông bà chung sống hạnh phúc cho đến cuối năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông M thường

xuyên nhau nhệt. Mỗi lần nhậu say thì ông M hay chửi mắng bà L, có khi còn đánh bà L. Vì con cái nên bà L cố gắng nhẫn nhịn chịu đựng. Nhưng đến nay bà L đã không còn tình cảm với ông M nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông M. Hai người đã không còn chung sống với nhau từ cuối năm 2019 cho đến nay.

Trong quá trình chung sống, ông bà có bốn người con chung là Lê Thị Yến L, sinh ngày 29/02/2004, Lê Thị Yến N, sinh ngày 13/3/2007, Lê Đức T, sinh ngày 17/5/2010 và Lê Minh H, sinh ngày 11/7/2012. Hiện nay, bốn cháu đang sống với mẹ. Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng bốn con chung và bà không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà L trình bày không có.

Bị đơn ông Lê Văn M không có lời trình bày do vắng mặt.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý số 35/TB-TLVA ngày 01 tháng 02 năm 2021, tổng đạt hợp lệ cho bị đơn ông Lê Văn M nhưng ông Lê Văn M không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà Mã Thị L. Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ hai lần đối với ông Lê Văn M để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Lê Văn M đều vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành mở phiên họp và đã lập biên bản không tiến hành hòa giải được. Đồng thời đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án đã quá thời hạn chuẩn bị xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bà Mã Thị L và ông Lê Văn M đều vắng mặt nhưng nguyên đơn bà L có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, còn ông M mặc dù đã được tổng đạt giấy triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do đó Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với bà L và ông M.

[2] Về nội dung: Bà Mã Thị L và ông Lê Văn M kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện L (Nay là huyện T), tỉnh S cấp Giấy chứng

nhận kết hôn số 34 ngày 16/11/2005 nên quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông M là hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng do ông M vắng mặt nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được. Đồng thời đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

[3] Xét lý do xin ly hôn của bà L, Hội đồng xét xử thấy, sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng bà L, ông M hạnh phúc cho đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông M thường xuyên nhậu nhẹt. Mỗi lần nhậu say thì ông M hay chửi mắng bà L, có khi còn đánh bà L. Vì điều này, cuộc sống hôn nhân của ông bà không còn hạnh phúc nữa. Ông bà đã không còn chung sống với nhau từ cuối năm 2019 cho đến nay. Thời gian ly thân vợ chồng không ai tới lui, chăm sóc nhau. Hội đồng xét xử xét thấy bà L, ông M đã mâu thuẫn, bất đồng ý kiến trong thời gian dài, tình trạng hôn nhân của vợ chồng ông, bà đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L.

[4] Về con chung: Bà Mã Thị L và ông Lê Văn M có bốn người con chung là Lê Thị Yến L, sinh ngày 29/02/2004, Lê Thị Yến N, sinh ngày 13/3/2007, Lê Đức T, sinh ngày 17/5/2010 và Lê Minh H, sinh ngày 11/7/2012. Cả bốn cháu đang sống chung với bà L. Xét yêu cầu được nuôi bốn người con của bà L, từ khi bà L và ông M không còn sống chung thì bốn người con sống chung với bà L, do bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tại văn bản ghi nguyện vọng, bốn người con đều có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận giao giao các cháu Lê Thị Yến L, Lê Thị Yến N, Lê Đức T và Lê Minh H cho bà L nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà L không yêu cầu nên ông M không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung: Bà L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về nợ chung: Bà L trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do bà L yêu cầu nên bà L phải chịu theo luật định.

[9] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mã Thị L.
- Về hôn nhân: Bà Mã Thị L được quyền ly hôn với ông Lê Văn M.
- Về con chung: Giao cháu Lê Thị Yến L, sinh ngày 29/02/2004, Lê Thị Yến N, sinh ngày 13/3/2007, Lê Đức T, sinh ngày 17/5/2010 và Lê Minh H, sinh ngày 11/7/2012 cho bà Mã Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông Lê Văn M không phải cấp dưỡng cho con. Ông Lê Văn M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp ông Lê Văn M lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Mã Thị L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Lê Văn M. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.
- Về tài sản chung: Bà Mã Thị L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.
- Về nợ chung: Bà Mã Thị L trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét
- Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Mã Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2017/0005859 ngày 08/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh S. Như vậy bà Mã Thị L đã nộp xong án phí.
- Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- VKSND huyện T;
- Chi cục THA huyện T;
- TAND tỉnh S (P.KTNV&THA);
- Các đương sự.
- UBND xã T, h T, ST;
- Lưu HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Ngọc Trân

